

Bản án số 385/2025/HC-PT
Ngày 10/06/2025
V/v Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

1. UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết K - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Viết T1 (chồng bà M); vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Quang C (con bà M); vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Xuân Q (con bà M); vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Lan H (con bà M); vắng mặt.

Cùng nơi thường trú: Đội 5 Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện bà Lê Thị M trình bày:***

Gia đình bà là chủ sử dụng diện tích 81m² đất (đất 5%) trong thửa số 51, tờ bản đồ số 36; diện tích đất này được Nhà nước giao cho gia đình nhà chồng bà vào năm 1959 tại Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Năm 1980 bà về làm dâu.

Đến năm 1987 cấp bổ sung lần 2, ai sinh ra được chia bổ sung đối với những nhân khẩu đã được chia trước đây. Năm 1993 bố mẹ chồng cho gia đình bà 81m² để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống. Ngày 23/6/2000 gia đình bà được cấp sổ đỏ mang tên hộ gia đình bà Lê Thị M. Hiện nay bà đang giữ sổ đỏ này, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q804227. Sau khi được cấp sổ lại thì UBND huyện T tự ý sửa đất 5% thành đất nông nghiệp. Hộ gia đình bà bao gồm các nhân khẩu: Bà Lê Thị M, sinh năm 1959, ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1960 (chồng bà), anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1982, anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1988 (các con bà).

Toàn bộ diện tích đất 81m² này của gia đình bà đang thực hiện sản xuất phát triển kinh tế, với khả năng của mình bà đã thực hiện trồng hoa màu như rau lang, rau bí, rau cải, rau muống... đã bị UBND huyện T thu hồi để thực hiện dự án Đấu giá số 1.

Bà xin khẳng định quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản là hợp pháp. Tuy nhiên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lại không thực hiện đúng quy định của pháp luật về quy trình thu hồi đất dẫn đến quyền lợi của gia đình bà bị xâm phạm. Cụ thể: Quy trình thu hồi đất vi phạm pháp luật; Dự án này đã vi phạm quy định lấy ý kiến về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất; Dự án không phải trường hợp thu hồi của Nhà nước; Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường không chính xác, xâm phạm nghiêm trọng đến chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất sai; Hành vi hành chính của ông Chủ tịch UBND huyện T chỉ đạo thực hiện buổi cưỡng chế thu hồi đất sai.

Gia đình bà không đồng ý với dự án này, không đồng ý với Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, Quyết định cưỡng chế và buổi cưỡng chế mà ông Chủ

tịch UBND huyện T đã chỉ đạo thực hiện. Bà đề nghị hủy toàn bộ các văn bản trên và xem xét trách nhiệm của ông Chủ tịch UBND huyện T.

Đề nghị Toà án giải quyết hủy:

- Quyết định thu hồi đất số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T.

- Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T.

- Quyết định cưỡng chế số 866/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 và Quyết định thi hành cưỡng chế số 68/TB-BTHCC ngày 20/3/2023 của UBND huyện T.

**** Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện T trình bày:***

Sau khi nhận được Thông báo của Tòa án, UBND huyện T đã kiểm tra, rà soát lại toàn bộ các văn bản, hồ sơ có liên quan đến trình tự, thủ tục thực hiện triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T, UBND huyện T có ý kiến như sau:

I. Các văn bản pháp lý làm căn cứ để UBND huyện T ban hành các Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi 81m² đất do hộ gia đình bà Lê Thị M đang quản lý, sử dụng trong dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 Quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố H: Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà

Nội; Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định, ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội và Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T;

Căn cứ Quyết định số 7413/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện T về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện T về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Biên bản về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của Tổ công tác; Giấy xác nhận của UBND xã N về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2024;

Căn cứ Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T3 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Và các tài liệu có liên quan khác.

II. Trình tự thực hiện để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Lê Thị M:

1. Trình tự thực hiện: Thực hiện Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 và Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/08/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 về việc thu hồi đất của UBND huyện T. Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND xã N, Ủy ban mặt trận tổ quốc xã N, Tổ công tác tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án theo đúng quy định.

Căn cứ quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ công tác đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các quy định: Tổ công tác phối hợp với các ban, ngành đoàn thể xã triển khai họp các hộ dân thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất ngày 22/6/2021; Triển khai họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp tổ công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền đất thu hồi ngày 25/10/2021; Công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ dân và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; Công khai và giao Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/2/2022; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ dân thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 25/2/2022; Tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/2/2022; Công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; Tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; Công khai và giao Quyết định phê duyệt kèm Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; Vận động, thuyết phục các hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: "Trường hợp sau khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn cố tình không nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư và không chấp hành việc bàn giao đất thì ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ

công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật đất đai".

2. Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022:

- Về đất: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2024: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm tại các xã đồng bằng là 135.000 đồng/m²

- Về cây trồng: được áp dụng theo quy định tại Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T3 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

- + Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Lê Thị M đã được phê duyệt theo đúng quy định.

III. Quan điểm của UBND huyện T về việc ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Lê Thị M:

Về nội dung này, UBND huyện T nhận thấy toàn bộ chính sách bồi thường, hỗ trợ UBND huyện T ban hành các Quyết định nêu trên đảm bảo theo quy trình, trình tự thủ tục có đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

Các nội dung kiến nghị của bà Lê Thị M, UBND huyện T đã xem xét và giải quyết theo thẩm quyền. Kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị M.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- UBND xã N trình bày: Căn cứ theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND xã N:

Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ 36, diện tích 81m², loại đất: LM.

Thực hiện việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp

theo Nghị định số 64/CP, thửa đất trên đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên hộ bà Lê Thị M ngày 23/6/2000, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 (thực tế là tờ bản đồ số 36), diện tích 81m², mục đích sử dụng: đất sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng: 20 năm kể từ ngày 23/6/2000, sổ vào sổ cấp GCN 0025 QSDĐ/07.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Các thành viên trong hộ gia đình bà Lê Thị M đồng ý với với ý kiến trình bày của bà Lê Thị M và xin vắng mặt.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật tố tụng hành chính.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 265/2024/HCST ngày 29/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43 số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc yêu cầu tuyên hành vi hành chính trong việc tiến hành cưỡng chế của UBND huyện T là trái quy định pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Quyết định số 866/QĐ-UBND, Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Và các quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/9/2024, người khởi kiện là bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Bà M kháng cáo đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện T vì hồ sơ vị trí đất UBND Thanh Trì thực hiện không đúng quy định của pháp luật. Phương án bồi thường thể hiện nguồn gốc đất là đất 5% được giao từ năm 1979, sau đó từ chuyển thành đất giao theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Quy trình thực hiện trình tự thủ tục, thông báo thu hồi đất, việc kiểm đếm, cưỡng chế, thông báo văn bản đều không đúng theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bác kháng cáo của bà Lê Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 265/2024/HC-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chủ tịch và UBND huyện T, ông Nguyễn Viết T1, anh Nguyễn Quang C, anh Nguyễn Xuân Q, chị Nguyễn Thị Lan

H đã được triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt, đại diện UBND xã N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện, thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác GPMB; Giấy xác nhận của UBND xã N về việc sử dụng đất, nhân hộ khẩu; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Xét Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất, Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

[2.2]. Về chính sách bồi thường hỗ trợ:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ gia đình bà Lê Thị M: Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình bà Lê Thị M sử dụng thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ 36, diện tích 81m², loại đất: LM. Thực hiện việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ, thửa đất trên đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên hộ bà Lê Thị M ngày 23/6/2000, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 (thực tế là tờ bản đồ số 36), diện tích 81m², mục đích sử dụng: đất sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 23/6/2000, số vào sổ cấp GCN 0025 QSDĐ/07.

Ngày 22/6/2021 UBND huyện T có thông báo về việc thu hồi 81m² đất đối với hộ gia đình bà Lê Thị M. Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xác định: Tổng diện tích bị thu hồi là 81m² là đất nông nghiệp, toàn bộ diện tích bị thu hồi có rau muống chuyên canh.

Ngày 30/10/2018, UBND huyện T có Quyết định số 7413/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T.

Ngày 28/10/2019, UBND huyện T có Quyết định số 4222/QĐ-UBND phê duyệt Dự án khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T. Dự án được

UBND thành phố H phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022. UBND huyện T đầu tư và giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T quản lý và triển khai dự án. Do đó, dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện T ban hành Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

- Về bồi thường, hỗ trợ: Theo nội dung Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Lê Thị M (kèm theo phương án chi tiết): Tổng 80 tiền bồi thường, hỗ trợ: 67.311.000 đồng, trong đó gồm: bồi thường về đất là: $135.000 \text{ đồng} \times 81\text{m}^2 = 10.935.000 \text{ đồng}$; rau muống chuyên canh: $18.000\text{đ} \times 81\text{m}^2 = 1.458.000 \text{ đồng}$. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp ($135.000\text{đ} \times 5 \text{ lần}$): $675.000\text{đ} \times 81\text{m}^2 = 54.675.000 \text{ đồng}$. Thương tiến độ: 243.000 đồng.

Xét thấy việc bồi thường đối với 81m^2 đất nông nghiệp: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2024: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm tại các xã đồng bằng là 135.000 đồng/m^2 .

UBND huyện T đã quyết định phê duyệt phương án, bồi thường theo đơn giá $135.000\text{đ}/1 \text{ m}^2$ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H.

- Về cây trồng: được áp dụng theo quy định tại Thông báo số 8369/TB STC ngày 29/12/2021 của Sở T3 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp ($5 \text{ lần} \times 135.000\text{đ/m}^2 \times 81\text{m}^2 = 54.675.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai, khoản 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

+ Thương tiến độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định

số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4863/QĐ-UBND cùng ngày về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng pháp luật. Do đó, Quyết định số 866/QĐ-UBND và Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà M đề nghị hủy các quyết định nêu trên.

[2.3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Bà Lê Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Lê Thị M;
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 265/2024/HCST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị M.
4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà